TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST Ngày 15/01/2024 V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện T tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, anh và chị D cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; chị D có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh T và hai bên gia

đình đã khuyên bảo, tha thứ cho chị D nhiều lần nhưng chị D vẫn không thay đổi; vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Anh và chị D đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Anh T xác định không còn tình cảm với chị D, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị D để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị D có một con chung.

Cháu Phạm Minh Q – Sinh ngày: 17/8/2006.

Anh T có quan điểm sẽ giao cháu Q cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị D có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện T tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, chị và anh T cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo đến gia đình; vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Chị D không nhất trí ly hôn với anh T vì chị muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D và anh T có một con chung.

Cháu Phạm Minh Q – Sinh ngày: 17/8/2006.

Trường hợp phải ly hôn, chị D có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã T hành thụ lý vụ án và T hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của anh Phạm Văn T đối với chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q – Sinh ngày: 17/8/2006 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh T khởi kiện về việc xin ly hôn với chị D và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng năm 2020 đến nay. Anh T xác định không còn tình cảm với chị D.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị D cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng ly thân với nhau một thời gian dài nhưng anh T và chị D cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị D.

Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận quan điểm của chị D là không nhất trí ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị D có một con chung.

Cháu Phạm Minh Q – Sinh ngày: 17/8/2006.

Anh T, chị D cùng có nguyện vọng giao cháu Q cho chị D nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Q đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Anh T, chị D có nơi cư trú rõ ràng, công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đầy đủ và đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Quá trình nuôi con, anh T, chị D không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Cháu Q có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị D, phù hợp với quan điểm của anh T và chị D.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu Q, cần chấp nhận nguyện vọng của anh T, chị D về việc nuôi con chung. Giao cháu Q cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của anh Phạm Văn T đối với chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q – Sinh ngày: 17/8/2006 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 15/01/2024. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001204 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000769313 ngày 08/11/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam).

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường